

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 287/2019/HNGĐ -ST

Ngày: 14 tháng 8 năm 2019

V/v “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

- 1). Ông Bùi Vĩnh Thanh
- 2). Ông Đoàn Văn Quang

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Duy Linh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Gò Công Đông

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Quốc Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2019/TLST – HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2019, về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 55a/2019/QĐST- HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm xxxx (Có mặt)
Địa chỉ: Ấp N, xã G, huyện Gò Công Đông, Tiền Giang
2. *Bị đơn:* Chị Phạm Thị P, sinh năm xxxx (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp M, xã G, huyện G, Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:*

- Về hôn nhân: Năm 2008, anh và chị P quen biết, tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, giấy chứng nhận kết hôn số 58 ngày 19 tháng 9 năm 2008. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với gia đình anh, sống hạnh phúc đến năm 2009 thì vợ chồng mâu thuẫn

trầm trọng do chị P cho rằng anh không chăm lo cho chị nên hai bên gia đình anh chị cự cãi với nhau nhiều lần không hàn gắn được. Từ năm 2009, anh chị không còn chung sống cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên Anh T yêu cầu được ly hôn với chị P

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Đăng K, sinh ngày xx tháng xx năm xxxx hiện đang sống chung với anh. Ly hôn, cháu K muốn sống với Anh T nên anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

* Tại biên bản ghi lời khai và trong quá trình tố tụng, chị Phạm Thị P trình bày:

- Về hôn nhân: Qua tìm hiểu chị và Anh T tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện G. Thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn do sau khi sinh con chị bị bệnh nên Anh T chở chị về cha mẹ ruột sống cho đến nay, vợ chồng không gặp nhau hàn gắn tình cảm. Nay Anh T yêu cầu ly hôn chị đồng ý và xin vắng mặt đến khi vụ án được giải quyết xong.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Đăng K, sinh ngày xx tháng xx năm xxxx hiện đang sống chung với Anh T. Ly hôn, Anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con, chị đồng ý

- Về tài sản chung: Không có

- Về nợ chung: Không có

* *Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có kiến nghị

Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Phạm Thị P là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Phạm Thị P có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị P

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn T và chị Phạm Thị P tự nguyện tìm hiểu và chung sống được Ủy ban nhân dân xã G, huyện G cấp giấy chứng kết hôn số 58 ngày 19 tháng 9 năm 2008 là hôn nhân hợp pháp. Thời gian chung sống đến năm 2009, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống không hàn gắn được. Nay tình cảm không còn nên Anh T yêu cầu được ly hôn với chị Phạm Thị P

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa Anh T và chị P không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, Anh T và chị P không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân của mình, không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng và từ năm 2009 vợ chồng anh chị không còn chung sống với nhau nên Hội đồng xét xử thấy tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Anh T xin ly hôn là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Đăng K, sinh ngày xx tháng xx năm xxxx hiện đang sống chung với anh. Ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của Anh T về người trực tiếp nuôi là phù hợp với nguyện vọng của con và quy định tại các điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận

Chị P chưa phải cấp dưỡng nuôi con do Anh T chưa có yêu cầu. Chị P được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản

Vì lợi ích của con, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi

[2.3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

[2.4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

[3] Về án phí: Anh T nộp án phí ly hôn theo quy định

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Phạm Thị P
2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Đăng K, sinh ngày xx tháng xx năm xxxx cho anh Nguyễn Văn T được tiếp tục nuôi dưỡng
 - Chị P được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản
 - Vì lợi ích của con, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi
3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết
4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết
5. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 46705 ngày 17 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang. Anh T đã nộp đủ án phí

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận

- VKSND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THA DS huyện Gò Công Đông;
- UBND xã G, huyện Gò Công Đông;
- Các đương sự
- Lưu hs.av

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Vũ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quang Vũ

